TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đ**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoàng T**

Ông **Huỳnh Văn H**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy P** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn H1 thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2007. Thời gian chung sống được khoảng 14 năm phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 17/5/2006 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 27/01/2014 hiện cháu A đã trưởng thành, cháu L đang sống với anh H1. Chị N đồng ý để anh H1 nuôi con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho các đương sự tham gia hòa giải nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh H1 không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc kiện chị N và vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị N và anh H1, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng***:

[1.1] *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn H1; trú tại ấp An Thạnh B, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn H1 thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Thời gian chung sống khoảng 14 năm phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống từ năm 2021 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh H1. Anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án tham gia phiên hòa giải giúp vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị Nghi và anh H1 không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị N, xử cho chị N ly hôn anh H1 là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 17/5/2006 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 27/01/2014 hiện cháu A đã trưởng thành không xem xét giải quyết, cháu L đang sống với anh H1. Chị N đồng ý để anh H1 nuôi con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị N nộp án phí 300.000 đồng, cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Văn L, sinh ngày 27/01/2014 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Nguyễn Thị N nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị N đã nộp theo biên lai thu số 0002106 ngày 14/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị Nghi đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Ninh (số 121 ngày 31/12/2007);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều